TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/KDTM-PT
Ngày: 28 - 8 - 2025
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Dịu.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thu Hằng - Ông Hàng Lâm Viên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Trung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận (cũ) xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2025/TLPT-KDTM ngày 14 tháng 7 năm 2025 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2025/KDTM-ST ngày 19 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 tỉnh Khánh Hòa) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 13/2025/QĐPT-KDTM ngày 31 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2025/QĐPT-KDTM ngày 21 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP C (V).**

Địa chỉ: Số A T, Quận H, thành phố Hà Nội (nay là số A T, phường B, thành phố Hà Nội).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh B - Chủ tịch Hội đồng quản trị của Ngân hàng TMCP C.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Đình Quảng P – Tổng Giám đốc

Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh tỉnh N.

(Theo Văn bản ủy quyền số 652/UQ-HĐQT-NHCT-PCTT3 ngày 25/6/2024 về việc ủy quyền tham gia tố tụng).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Đình Quảng P:

1. Ông Châu Vũ H - Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh tỉnh N. (Vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thu T - Phó phòng Tổ chức Tổng hợp Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh N. (Có mặt)

3. Ông Lê Minh T1 - Cán bộ quản lý khách hàng của Ngân hàng TMCP C - chi nhánh tỉnh N. (Có mặt)

(Theo Văn bản ủy quyền số 722/UQ-CNNTH-TH ngày 07/11/2024).

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Thanh T2**, sinh năm 1979 - Người đại diện theo pháp luật của Doanh nghiệp Tư nhân Q3. (Vắng mặt)

(Theo Giấy phép kinh doanh số: 4500566400 do Sở KH&ĐT tỉnh N cấp ngày 22/04/2013);

Địa chỉ đăng ký kinh doanh: Khu phố D, thị trấn P, huyện N, Ninh Thuận (nay là Khu phố D, xã P, tỉnh Khánh Hòa).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T2: Bà Trượng Thị T3, sinh năm 1998; (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã T, tỉnh Khánh Hòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Vương Khang Q, sinh năm 1972; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố D, xã P, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Vương Khang Q: Bà Trượng Thị T3, sinh năm 1998; (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã T, tỉnh Khánh Hòa.

2. Ông Nguyễn Đức Q1, sinh năm 1972; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Phường P, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Đức Q1: Bà Nguyễn Trần Tố U, sinh năm 1996; (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố E, phường B, tỉnh Khánh Hòa.

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thanh T2 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thu T, ông Lê Minh T1 trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thanh T2 - Người đại diện theo pháp luật của Doanh nghiệp Tư nhân Q3 (Giấy phép kinh doanh số: 4500566400 do Sở KH&ĐT tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 22/04/2013) có ký kết với Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh N (gọi tắt Ngân hàng), theo Hợp đồng tín dụng số 450070/2023-HĐCVHM/NHCT610 ngày 31/08/2023, để vay số tiền: 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng). Thời gian vay: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng cho vay (từ ngày 31/08/2023-31/08/2024). Thời gian cho vay tối đa trên mỗi giấy nhận nợ: 6 tháng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh vàng, bạc và đồ trang sức mỹ nghệ. Lãi suất cho vay hiện hành: 9,0%/năm. Số tiền Ngân hàng đã giải ngân là: 4.000.000.000 đồng theo các Giấy nhận nợ bà T2 đã ký, cụ thể:

+ Số 09: 330.000.000đồng ký ngày 26/03/2024;

+ Số 10: 300.000.000đồng ký ngày 10/05/2024;

+ Số 11: 700.000.000 đồng ký ngày 21/05/2024;

+ Số 12: 800.000.000đồng ký ngày 22/05/2024;

+ Số 13: 700.000.000 đồng ký ngày 23/05/2024;

+ Số 14: 770.000.000đồng ký ngày 25/06/2024;

+ Số 15: 400.000.000đồng ký ngày 29/08/2024.

Các tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của bà Nguyễn Thị Thanh T2 đối với khoản cấp tín dụng nêu trên gồm:

1. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại: Thửa đất số 479; tờ bản đồ 19d, địa chỉ: Khu phố D, TT . P, huyện N, Ninh Thuận.

2. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại: Thửa đất số 27, tờ bản đồ 2-(14), địa chỉ: Phường T (hiện nay là Phường K), TP . - T, tỉnh Ninh Thuận.

3. Xe ôtô con KIA PICANTO, BS 85A-004.64.

4. Quyền thuê Kiốt A25 trong 23 năm tại chợ P1.

5. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại: Thửa đất số 669; tờ bản đồ 20, thửa đất số 686; tờ bản đồ 20 và thửa đất số 24; tờ bản đồ 25, địa chỉ: Khu phố A, thị trấn P, huyện N, Ninh Thuận.

Quá trình vay vốn, bà T2 chỉ trả lãi, chưa trả nợ gốc. Bà T2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ ngày 26/9/2024 với Ngân hàng theo thỏa thuận tại hợp đồng cấp tín dụng. Ngân hàng đã nhiều lần gửi thông báo, thư mời làm việc và yêu cầu bà T2 thanh toán hết nợ vay vì đã vi phạm quy định cho vay trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết nhưng bà T2 vẫn chưa thanh toán nợ vay cho Ngân hàng. Khoản nợ này đã chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 27/09/2024 do bà T2 chậm trả nợ lãi đến hạn cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng yêu cầu bà T2 phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các chi phí khác phát sinh theo Hợp đồng tín dụng tính đến ngày 19/5/2025 là: 4.334.257.513 đồng, bao gồm: Nợ gốc 4.000.000.000 đồng + Lãi cộng dồn: 244.019.453 đồng + Lãi phạt chậm trả: 90.175.939 đồng. Bà T2 phải tiếp tục trả các khoản lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng. Duy trì các Hợp đồng thế chấp để đảm bảo cho việc thi hành án.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên nội dung, yêu cầu khởi kiện và không bổ sung gì thêm.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Nguyễn Thị Thanh T2 và của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Vương Khang Q - Bà Trượng Thị T3 trình bày:

Bà đồng ý với lời trình bày của đại diện Ngân hàng về các hợp đồng tín dụng, các hợp đồng thế chấp mà bà Nguyễn Thị Thanh T2 – người đại diện theo pháp luật của Q3 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vương Khang Q (chồng bà T2) đã có ký với ngân hàng. Đối với số nợ gốc và nợ lãi thì bà đồng ý với ý kiến của Ngân hàng. Hiện tại Q3 – Kim Yến 2 của bà T2 kinh doanh khó khăn, không có khả năng trả nợ đúng hạn theo thỏa thuận nên yêu cầu Ngân hàng cho tiếp tục gia hạn thực hiện hợp đồng vay trong thời gian 06 tháng, để bà T2 có thời gian hoàn tất việc trả nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn giữ nguyên nội dung trình bày tại cấp sơ thẩm, đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm công nhận sự thỏa thuận của bị đơn và Ngân hàng đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Đức Q1 - Bà Nguyễn Trần Tố U trình bày:

Bà đồng ý với lời trình bày của đại diện Ngân hàng về hợp đồng thế chấp mà bà Nguyễn Thị Thanh T2 – Người đại diện theo pháp luật Q3, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vương Khang Q (chồng bà T2) và ông Nguyễn Đức Q1 (anh trai bà T2) đã có ký với ngân hàng. Đối với số nợ vay gốc và nợ lãi thì bà T2 tự trả cho Ngân hàng. Đối với tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn

liền trên đất tại: Thửa đất số 27, tờ bản đồ 2-(14), địa chỉ: Phường T (hiện nay là Phường K), TP . - T, Ninh Thuận - Là tài sản chung của ông Q1, và vợ chồng bà T2, ông Q theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 413116, số vào sổ cấp GCN: H 00594 do U1 – T cấp ngày 15/08/2007. Ông Q1 đồng ý duy trì hợp đồng thế chấp để đảm bảo cho khoản vay 1.413.000.000 đồng của bà T2.

Tại phiên phúc thẩm ông Q1 và đại diện hợp pháp của ông Q1 không có mặt.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2025/KDTM-ST ngày 19 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 – Khánh Hòa) đã tuyên:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 30; Khoản 1 Điều 35; Điều 39, Điều 144, khoản 1 Điều 147; Khoản 1 Điều 165; Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 117, 280, 295, 299, 317, 318, 319, 351, 357, Điều 463, 465, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 100, Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cáo hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T2.

- Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T2 – Chủ Q3 – K, phải trả nợ vay cho Ngân hàng thương mại cổ phần C theo khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 450070/2023-HĐCVHM/NHCT610 ngày 31/08/2023 với số tiền nợ gốc là 4.000.000.000đồng + Lãi trong hạn 24.907.673 đồng + Lãi quá hạn 219.111.781 đồng + Lãi phạt chậm trả 90.175.939 đồng (lãi tính đến ngày 19/5/2025). Tổng cộng là 4.334.195.392 đồng (bốn tỷ, ba trăm ba mươi bốn triệu, một trăm chín mươi lăm ngàn, ba trăm chín mươi hai đồng).

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Thanh T2 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi và lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng 450070/2023-HĐCVHM/NHCT610 ngày 31/08/2023 được ký kết giữa bà Nguyễn Thị Thanh T2 với Ngân hàng TMCP C cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

- Tiếp tục duy trì các hợp đồng thế chấp số 151002/2014-HĐTC ngày 25/02/2014; số 12200066/HĐTC ngày 29/10/2012; số 12200088/HĐTC ngày 18/12/2012; số 450029/2021/HĐBĐ/NHCT610 ngày 22/10/2021, và các văn bản

sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp, được ký kết giữa vợ chồng bà Nguyễn Thị Thanh T2, ông Vương Khang Q với Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh N để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ.

- Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp số 13200073/HĐTC ngày 16/9/2013 và các văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp, được ký kết giữa bà Nguyễn Thị Thanh T2, ông Vương Khang Q, ông Nguyễn Đức Q1 với Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh N để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền, nghĩa vụ của các bên thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 02/6/2025, bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T2 có đơn kháng cáo đối với Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2025/KDTM-ST ngày 19 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận với nội dung kháng cáo cụ thể: Yêu cầu ngân hàng cho bà T2 một thời gian để sắp xếp xử lý tài sản trả nợ và Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xem xét thẩm định đối với tài sản bảo đảm trong vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng và buộc bà T2 phải chịu chi phí là không chính xác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử tại phiên tòa hôm nay.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2025/KDTM-ST ngày 19 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 – Khánh Hòa).

NHẬN ĐỊNH CỦA VỤ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; Bị đơn không rút, bổ sung hoặc thay đổi nội dung kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, đơn kháng cáo của bị đơn hợp lệ nên được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết: *"Tranh chấp hợp đồng tính dụng"* là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Về sự có mặt của đương sự: Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Đức Q2 - bà Nguyễn Trần Tố U có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt bà U.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T2.

[4.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Đức Q2 là người bảo đảm cho khoản vay của bị đơn vắng mặt nên Tòa án không có cơ sở để công nhận thỏa thuận tiếp tục trả nợ giữa bị đơn và Ngân hàng.

[4.2] Tại phiên tòa đại diện hợp pháp của bị đơn đồng ý trả toàn bộ số nợ theo bản án sơ thẩm đã tuyên tuy nhiên bị đơn không rút kháng cáo.

[4.3] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn cho rằng cần cho bị đơn một thời gian để bị đơn rao bán tài sản trả nợ, nhận thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn không yêu cầu cụ thể ngày phải trả các khoản nợ còn lại theo hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn và bị đơn mà chỉ xác định thời gian vi phạm hợp đồng và yêu cầu bà T2 trả nợ, hơn nữa trong quá trình bà T2 chậm trả nợ nguyên đơn đã có văn bản thông báo nhắc nhở về việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ, như vậy bà T2 đã có thời gian để biết việc vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng. Vì vậy việc bà T2 cho rằng cần thời gian để bà rao bán tài sản trả nợ cho nguyên đơn là không có cơ sở để chấp nhận.

[4.4] Xét nội dung kháng cáo về việc cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xem xét thẩm định tài sản bảo đảm làm phát sinh chi phí và buộc bà T2 phải chịu là không chính xác, nhận thấy: Trong hợp đồng tín dụng giữa bà T2 và ngân hàng có tài sản thế chấp để bảo đảm cho khoản vay tín dụng của bà, vì vậy việc xem xét thẩm định tại chỗ là cần thiết cho việc giải quyết vụ án, và theo điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng thì việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là hoàn toàn có cơ sở và đúng pháp luật.

[5] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn, chấp nhận toàn bộ quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc giải quyết vụ án.

[7] Về án phí: Do kháng cáo của bà T2 không được chấp nhận nên bà T2 phải chịu án phí phúc thẩm nhưng được khấu trừ 2.000.000 đồng vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0001626 ngày 02/6/2025 của Cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Phước. (Bà T2 đã nộp đủ án phí phúc thẩm)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T2.

Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2025/KDTM-ST ngày 19 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 – Khánh Hòa).

Căn cứ: Các điều 116, 117, 118, 119, 353, 357, 463, 466, 468, 469, 470 Bộ luật dân sự năm 2015 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T2 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng số 450070/2023-HĐCVHM/NHCT610 ngày 31/8/2023.

- Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T2 - Chủ Q3 - K, phải trả nợ vay cho Ngân hàng thương mại cổ phần C theo khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 450070/2023-HĐCVHM/NHCT610 ngày 31/08/2023 với số tiền nợ gốc là 4.000.000.000 đồng + Lãi trong hạn 24.907.673 đồng + Lãi quá hạn 219.111.781 đồng + Lãi phạt chậm trả 90.175.939 đồng (tính đến ngày 19/5/2025). Tổng cộng là 4.334.195.392 đồng (bốn tỷ, ba trăm ba mươi bốn triệu, một trăm chín mươi lăm ngàn, ba trăm chín mươi hai đồng).

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Thanh T2 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi và lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng 450070/2023-HĐCVHM/NHCT610 ngày 31/08/2023 được ký kết giữa bà Nguyễn Thị Thanh T2 với Ngân hàng TMCP C cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

- Tiếp tục duy trì các hợp đồng thế chấp số 151002/2014-HĐTC ngày 25/02/2014; số 12200066/HĐTC ngày 29/10/2012; số 12200088/HĐTC ngày 18/12/2012; số 450029/2021/HĐBĐ/NHCT610 ngày 22/10/2021 và các văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp được ký kết giữa vợ chồng bà Nguyễn Thị Thanh T2, ông Vương Khang Q với Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh N để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ.

- Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp số 13200073/HĐTC ngày 16/9/2013 và các văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp, được ký kết giữa bà Nguyễn Thị

Thanh T2, ông Vương Khang Q, ông Nguyễn Đức Q1 với Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh N để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ.

2. Về chi phí tố tụng:

Ngân hàng TMCP C không phải chịu chi phí thẩm định tài sản thế chấp.

Bà Nguyễn Thị Thanh T2 phải chịu 5.000.000 đồng chi phí thẩm định tài sản thế chấp. Bà Nguyễn Thị Thanh T2 có trách nhiệm hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP C chi phí thẩm định tài sản thế chấp với số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại điều 357 và khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thanh T2 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 112.334.000 đồng (Một trăm mười hai triệu, ba trăm ba mươi bốn ngàn đồng).

Ngân hàng TMCP C không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP C số tiền đã nộp tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, theo biên lai thu tiền số 0004172 ngày 19/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận, là 56.026.000 đồng (năm mươi sáu triệu, không trăm hai mươi sáu ngàn đồng).

Bà Nguyễn Thị Thanh T2 phải chịu 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm nhưng được khấu trừ 2.000.000đ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001626 ngày 02/6/2025 của Cục thi hành án dân sự huyện Ninh Phước. (Bà Nguyễn Thị Thanh T2 đã nộp đủ án phí phúc thẩm).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm, có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (28/8/2025).

Nơi nhận:
- Đương sự (4);
- VKSND tỉnh Khánh Hòa (1);
- TAND Khu vực 8 – Khánh Hòa (1);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- P. THADS Khu vực 8 – Khánh Hòa (1);
- Phòng TTKT&THA (1);
- Lưu hồ sơ, án văn, HC-TP (3)

Trần Thị Dịu